TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** THÀNH PHỐ HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2018/QĐST-VDS
Ngày 29/08/2018
V/v: yêu cầu tuyên bố một người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần giải quyết việc dân sự:

Chủ tọa phiên họp: ông Nguyễn Đức Lập - Thẩm phán

Thư ký phiên họp: ông Nguyễn Long Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên họp: bà Tô Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 08 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T - thành phố Hà Nội, mở phiên họp công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 36/2018/TLST-VDS ngày 01/08/2018 về yêu cầu "Tuyên bố một người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi" theo Quyết định mở phiên họp số 07/2018/QĐST-VDS ngày 20/08/2018.

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1958

HKTT: Nhà số 9 - C2 tập thể nhà máy Pin, thị trấn Văn Điển, huyện T, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở: phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

2. Người bị yêu cầu tuyên bố có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi:

bà Nguyễn Thị U (tức N), sinh năm 1957

Trú tại: Nhà số 9 - C2 tập thể nhà máy Pin, thị trấn Văn Điển, huyện T, thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ anh Nguyễn D2, sinh năm 1983 (con ông D, bà U)

+ anh Nguyễn Anh N, sinh năm 1989 (con ông D, bà U)

Cùng trú tại: Nhà số 9 - C2 tập thể nhà máy Pin, thị trấn Văn Điển, huyện T, thành phố Hà Nội.

4. Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết:

Trong đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự đề ngày 22/05/2018, ông Nguyễn Văn D yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Nguyễn Thị U (tức N) có khó khăn trong nhận

thức, làm chủ hành vi. Mục đích yêu cầu là để giải quyết vụ án ly hôn giữa ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị U. Căn cứ để ông D yêu cầu là Kết luận giám định pháp y tâm thần số 35/2018/GĐSKTT ngày 16/04/2018 của Viện pháp y tâm thần trung ương.

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện T - thành phố Hà Nội nhận định:

Ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị U (tức N) có quan hệ vợ chồng từ năm 1981, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38; quyển số 01/1981 ngày 25/08/1981 tại UBND xã Tam Hiệp, huyện T, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, đã xảy ra mâu thuẫn nên đến năm 2015 ông D làm đơn xin ly hôn, Tòa án huyện T đã thụ lý nhưng đến nay chưa giải quyết. Ngày 16/04/2018, Viện pháp y tâm thần trung ương đã có kết luận số 35/2018/GĐSKTT với kết luận "Tại thời điểm giám định đối tượng Nguyễn Thị U (tức N) biểu hiện phản ứng hỗn hợp lo âu và trầm cảm, theo bảng phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F43.22. Bệnh ở giai đoạn tiến triển. Đối tượng hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi". Do đó, yêu cầu tuyên bố bà Nguyễn Thị U (tức N) có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi của ông Nguyễn Văn D là có căn cứ nên được chấp nhận.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng năm 2015 thì việc dân sự này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T - thành phố Hà Nội.

* Về chỉ định người giám hộ: Ông Nguyễn Văn D là chồng của bà Nguyễn Thị U, theo quy định tại Khoản 1, Điều 53 của Bộ luật dân sự thì ông D là người giám hộ đương nhiên của bà U. Tuy nhiên, mục đích ông D yêu cầu tuyên bố bà U là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi là để giải quyết vụ án ly hôn giữa ông D và bà U mà Tòa án đã thụ lý. Do đó, ông D không đủ điều kiện làm người giám hộ cho bà U.

Theo lời khai của ông D và anh Nguyễn D2, anh Nguyễn Anh N thì giữa ông D và bà U chỉ có 02 người con là anh Nguyễn D2 và anh Nguyễn Anh N, ngoài ra bà U không còn người con nuôi hay con riêng nào khác. Anh D2 và anh N cùng thống nhất để anh D2 làm người giám hộ cho bà U. Thực tế hiện nay, vợ chồng anh D2 cũng đang cùng ở và chăm sóc sức khỏe cho bà U. Do đó, có cơ sở để Tòa án chỉ định anh Nguyễn D2 là con trai lớn của bà U làm người giám hộ cho bà Nguyễn Thị U (tức N) khi Tòa án tuyên bố bà U có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết việc dân sự của Thẩm phán, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng; việc Tòa án thụ lý, giải quyết đúng theo trình tự, thủ tục và thẩm quyền; Thẩm phán, Thư ký, người tham gia tố tụng tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Thẩm phán căn cứ vào Điều 23 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu của người yêu cầu, tuyên bố bà Nguyễn Thị U (tức N) có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi. Chỉ định anh Nguyễn D2 (là con đẻ của bà U) làm người giám hộ cho bà Nguyễn Thị U. Anh D2 có quyền và nghĩa vụ của người giám hộ được thực hiện theo quy định tại Điều 57 và Điều 58 Bộ luật dân sự;

Về lệ phí dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về "mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án", ông Nguyễn Văn D phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; Điều 39 và các Điều 371; 372; 376 và Điều 378 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 23; 47; 48; 49; 54; 57 và Điều 58 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về "mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

1. Chấp nhận đơn yêu cầu của ông Nguyễn Văn D về việc: Yêu cầu tuyên bố một người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

Tuyên bố bà Nguyễn Thị U (tức N) có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

Chỉ định anh Nguyễn D2 (là con đẻ bà U) là người giám hộ cho bà Nguyễn Thị U (tức N). Quyền và nghĩa vụ của người giám hộ được thực hiện theo quy định tại Điều 57 và Điều 58 Bộ luật dân sự;

2. Về lệ phí: ông Nguyễn Văn D phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự; được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ ông D đã nộp tại Biên lai số AA/2016/08078 ngày 20/07/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Ông D đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định đó được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND T.p Hà Nội;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND thị trấn Văn Điển;
- Các đương sự;
- Lưu HS;

Thẩm phán

Nguyễn Đức Lập